| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Trọng Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà LTL, sinh năm 1987; HKTT: Thôn X, xã QL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: M khu phố BPA, phường BC, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông NVH, sinh năm 1983; HKTT: Thôn X, xã QL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: M khu phố BPA, phường BC, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; vắng mặt lần thứ 2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà LTL trình bày:*

Bà LTL và ông NVH quen biết và tự tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 07/2009 ngày 31/01/2009.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, ông H thường chửi mắng và đập phá đồ đạc trong nhà. Nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, bà LTL yêu cầu được ly hôn với ông NVH.

Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung tên NTTH, sinh ngày 20/07/2009. Sau ly hôn, bà LTL yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông NVH phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông NVH đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An có ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình, không mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông H là trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Hiện tại cháu Hương đang sống cùng bà L, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hương, do đó cần giao cháu Hương cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận; về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà LTL khởi kiện ly hôn, tranh chấp về con chung với ông NVH, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông NVH là bị đơn hiện đang cư trú tại phường BC, thị xã Thuận An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông NVH đã được tống đạt hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà LTL và ông NVH quen biết và tự tìm hiểu nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 7/2009 ngày 31/01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của bà L, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình thay đổi, thường xuyên cãi vã, lâu dần làm cho cuộc sống hàng ngày căng thẳng, mệt mỏi, không có tiếng nói chung, dần dần mất tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình giải quyết vụ án, dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa án, điều đó cho thấy ông H không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà L. Về phía bà L trong quá trình tố tụng xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông H. Biên bản xác minh ngày 07/5/2019 xác định bà L

và ông H thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Như vậy, trình bày của bà LTL về mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông H nhằm tạo lên một gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, giúp đỡ nhau, cùng nhau nuôi dạy con và xây dựng kinh tế gia đình không đạt được, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà LTL và ông NVH là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể đoàn tụ để chung sống được nữa, nên trình bày của bà L về tình trạng vợ chồng trầm trọng, không còn tình cảm và xin được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà L và ông H có sinh được 01 người con chung tên NTTH, sinh ngày 20/07/2009. Xét thấy, hiện tại cháu Hương đang sống cùng bà L và cùng có nguyện vọng được sống với mẹ. Qua xem xét điều kiện nuôi con và nguyện vọng của cháu H, Tòa án nhận thấy bà L có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở; tuy nhiên ông H không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở, ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của bà L và các con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà LTL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 68, 69, 70, 71, 72; 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà LTL về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông NVH.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà LTL được ly hôn ông NVH.

- Về con chung: Giao con chung tên NTTH, sinh ngày 20/07/2009 cho bà LTL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà LTL về việc không yêu cầu ông NVH cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà LTL phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024856 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã QL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Trọng Quân**